

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 04-4-2022

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2021/TLST – DS ngày 01 tháng
12 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N** (tên thường gọi V) – sinh năm: 1965 (có
mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và
tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là hụi viên còn chị Nguyễn Thị T là đầu thảo hụi, cụ thể bà tham gia
hụi của chị T 02 dây hụi gồm:

Dây 1: Hụi mở ngày 25/02(âl)/2019 nhằm ngày 30/3(dl)/2019, ngày mãng
hụi ngày 25/01(âl)/2021 nhằm ngày 08/3(dl)/2021, loại tiền là 5.000.000đ, một
tháng khui hụi một lần, có 24 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là
2.500.000đ/lần khui hụi, bà tham gia hai phần. Trong hai phần hụi trên bà góp

được 18 lần hội sống thì chị T tuyên bố bế hội nên ngưng không khai hội tiếp. Số tiền hội vốn 18 lần của 01 phần hội bà đã đóng cho chị T là 60.000.000đ, 02 phần là 120.000.000đ. Hai bên có làm biên nhận ngày 28/8(âl)/2020 biên nhận do chính chị T viết, biên nhận ghi “*Hôm nay là ngày 28/8(âl)/2020 em có thiếu chị Chín số tiền hội tổng cộng là 120.000.000đ mỗi tháng trả 5.000.000đ ngày 28/9 trả*” do chồng bà thứ Chín nên chị T gọi bà là chị Chín. Sau đó chị T có trả cho bà được 03 lần tiền hội với số tiền là 15.000.000đ nên chị T còn nợ lại bà tiền hội là 105.000.000đ.

Dây 2: Hội mở ngày 25/02(âl)/2019 nhằm ngày 30/3(dl)/2019, ngày mùng hội thì bà không nhớ, loại tiền là 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội, bà tham gia hai phần, trong danh sách hội ghi tên “*chị Chín*” là tên bà (02 phần). Bà đã hót một phần hội số tiền hót hội thì bà không nhớ, nhưng chị T đã giao đủ tiền hội cho bà ở phần hội này. Còn lại một phần hội bà đã góp hội cho chị T được 18 lần hội sống với số tiền là 90.000.000đ đến lần thứ 19 thì hội bị bế nên ngưng không khai hội tiếp. Bà và chị T thống nhất là chị T còn nợ lại bà tiền hội của phần hội thứ hai là 90.000.000đ trừ 2.500.000đ tiền huê hồng nên còn lại là 87.500.000đ, sau đó chị T đã trả cho bà nhiều lần được tổng cộng là 70.500.000đ, còn lại 17.000.000đ hai bên có viết biên nhận ngày 28/8(âl)/2020, đến ngày 20/9(âl)/2020 thì chị T có trả cho bà được 1.500.000đ nên phần hội thứ hai này chị T còn nợ lại bà là 15.500.000đ.

Tổng cộng 02 dây hội chị T còn nợ lại bà tiền hội là 120.500.000đ.

Sau đó bà có tìm chị T để yêu cầu chị T trả cho bà tiền hội nhưng không gặp được chị T.

Nay bà yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền nợ hội là 120.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn xác nhận của Công An xã Quới An ngày 20/10/2021 do nguyên đơn cung cấp thì nhân khẩu Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 đăng ký thường trú tại ấp Phước Trường, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang có mặt tại địa phương. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của chị T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); 02 Biên nhận; Danh sách hội viên; Đơn xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Đơn xin xác nhận.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa bà N và chị Nguyễn Thị T, chị T có nơi cư trú tại ấp Phước Trường, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hụi giữa bà N và chị T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà N trình bày bà N là hụi viên, bà N có tham gia hụi do chị Nguyễn Thị T là đầu thảo của 02 dây hụi, tổng cộng 02 dây hụi thì chị T còn nợ tiền hụi của bà N là 120.500.000đ.

Nay bà N yêu cầu chị T phải trả lại cho bà N số tiền nợ hụi là 120.500.000đ. Theo danh sách hụi viên và các biên nhận nợ cùng ngày 28/8(âl)/2020 do bà N cung cấp cho Tòa án thì chị T có viết 02 biên nhận cho bà N, một biên nhận chị T thừa nhận có nợ tiền của bà N là 17.000.000đ và một biên nhận chị T thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà N là 120.000.000đ, cả hai biên nhận đều có chị T ký tên và sau đó chị T đã trả cho bà N được số tiền là 16.500.000đ còn nợ lại bà N số tiền nợ hụi là 120.500.000đ. Theo đơn xin xác nhận ngày 10/01/2022 do bà N cung cấp thì tên Nguyễn Thị N và tên thường gọi chị Chín là cùng một người do bà N là vợ của ông Nguyễn Phúc Vĩnh (thường gọi là Chín Vĩnh) nên mọi người thường gọi bà N là chị Chín. Do đó tên chị Chín trong các biên nhận nợ cùng ngày 28/8(âl)/2020 và tên Nguyễn Thị N là cùng một người.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà N là phù hợp với danh sách hụi và các biên nhận nợ cùng ngày 28/8(âl)/2020, chị T vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi là 120.500.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.025.000đ.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui là 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.025.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.012.000đ (Ba triệu không trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0007851, ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh

